TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2018

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị S (có mặt)

Địa chỉ: Ấp CSN, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Vũ B (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị K (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị S trình bày:*

Chị S và anh B tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh B không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, chị và anh B không còn chung sống với nhau từ ngày 05/11/2017 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị S yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh B.

Con chung tên Huỳnh Vũ H, sinh ngày 20/10/2016 (giới tính nam), hiện cháu H do chị S nuôi dạy. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Chị S và anh B đã tự thỏa thuận xong nên không có yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

**Tại bản tự khai ngày 31/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Vũ B trình bày:*

Anh B thống nhất với phần trình bày của chị S về các mối quan hệ như: Hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh B thống nhất chấm dứt mối quan hệ theo yêu cầu của chị S. Anh B thống nhất giao cháu Huỳnh Vũ H cho chị S tiếp tục nuôi dạy, anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung anh B và chị S đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Dương Thị Kết:*

Bà K thừa nhận trước đây bà có quản lý số tài sản 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k nhưng bà K đã hoàn trả lại số vàng nêu trên cho chị S, anh B và chị S và anh B đã tự thỏa thuận phân chia xong. Bà không còn liên quan đến tài sản chung của vợ chồng chị S và anh B.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án thể hiện chị S và anh B chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị S và anh B là vợ chồng. Con chung áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Vủ Hên, sinh ngày 20/10/2016 (giới tính nam), anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp, tài sản chung chị S và anh B tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị S khởi kiện với bị đơn là anh Lê Vũ B. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng. Anh B có nơi cư trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S và anh Lê Vũ B tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh B chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Huỳnh Thị S và anh Lê Vũ B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị S và anh B có một người con chung là cháu Huỳnh Vủ H, sinh ngày 20/10/2016 (giới tính nam), hiện cháu H do chị S nuôi dạy. Chị S yêu cầu nuôi dạy và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh B thống nhất để cho chị được tiếp tục nuôi con chung, anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, tại tòa anh B thống nhất với yêu cầu của chị S đặt ra nên cần chấp nhận để cho Son tiếp tục nuôi dạy con chung, anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị S và anh B xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu xem xét nên không xem xét.

Đối với bà Dương Thị Kết, tại phiên tòa bà K có nhận trước đây có quản lý dùm chị S, anh B 10 chỉ vàng 24K và 02 chỉ vàng 18K nhưng bà đã hoàn trả lại cho chị S và anh B thỏa thuận phân chia, bà không còn liên quan gì đến vụ án. Xét thấy lời trình bày của bà K, chị S, anh B tại phiên tòa là phù hợp với nhau và các đương sự không yêu cầu xem xét phần tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S và anh B xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng; Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 25/5/2018 đã xác nhận thời gian chị S và anh B chung sống với nhau tại địa phương không bị ai thưa kiện về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lê Vũ B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị S và anh Lê Vũ B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Vũ H, sinh ngày 20/10/2016 (giới tính nam) cho chị Huỳnh Thị S tiếp tục nuôi dạy. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định là ½ mức lương tối thiểu tức 650.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho

đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh B không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ đến thăm con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị S, anh Lê Vũ B tự thỏa thuận nên không ra ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị S có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lê Vũ B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nêu trên thì anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị S phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 07 tháng 5 năm 2018 chị S có dự nộp 894.000 đồng *(Tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai số 0005456 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, đối trừ chị S được nhận lại 594.000 đồng *(Năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Vũ B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa